

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Bà Rịa
- Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Mua sắm sản phẩm bồi dưỡng phụ cấp chế độ độc hại bằng hiện vật năm 2025;
- Tên dự toán: Mua sắm sản phẩm bồi dưỡng phụ cấp chế độ độc hại bằng hiện vật năm 2025;
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Bà Rịa, địa chỉ: Số 686 đường Võ Văn Kiệt, phường Tam Long, Tp. Hồ Chí Minh;
- Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp;
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

Nhà thầu phải lập Bảng cam kết và đáp ứng đầy đủ các nội dung như sau:

- Khi giao hàng tất cả hàng hóa phải dán thông tin sản phẩm, thông tin nhà sản xuất và tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ và phải còn hạn dùng theo quy định của E-HSMT
- Tất cả hàng hóa phải vận chuyển bằng thùng có nắp đậy và sản phẩm hoàn toàn thích ứng địa lý môi trường Việt Nam.
- Cam kết hàng hoá được lưu hành hợp pháp tại Việt Nam. Hàng hóa cung cấp cho gói thầu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm, trong trường hợp xảy ra ngộ độc hoặc những ảnh hưởng xấu do tác động của chất lượng sữa gây nên đối với người sử dụng thì nhà cung cấp phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Nhà thầu phải lập bảng thuyết minh so sánh thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu theo quy định bên dưới, nhà thầu lập theo biểu mẫu sau:

TT	Tên hàng hóa dự thầu	Ký mã hiệu/nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất/xuất xứ	Thông số kỹ thuật theo yêu cầu E-HSMT	Thông số kỹ thuật do nhà thầu đề xuất	Liệt kê sự khác nhau về thông số kỹ thuật giữa E-HSMT và E-HSDT (nếu có) và kèm tài liệu chứng minh ^(*)	Catalogue (Đánh số trang, highlight chỉ dẫn sản phẩm dự thầu, thông số kỹ thuật hàng hóa)
1	
2	
...		

() Ghi chú: Trường hợp nhà thầu liệt kê sự khác nhau về thông số kỹ thuật giữa E-HSMT và E-HSDT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh.*

-Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật/Quy cách sản phẩm
1	Sữa tươi tiệt trùng (ít đường)	Dung tích: 180ml/ hộp, lốc 4 hộp. Thành phần chính: sữa tươi ($\geq 97\%$), đường ($\geq 2.8\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: ≥ 72.7 kcal, Chất đạm: $\geq 2,9$ g, Carbonhydrat: ≥ 7.4 g, Đường tổng số: ≥ 7.3 g, Chất béo: $\geq 3,5$ g, Natri: ≥ 35 mg, Calci: ≥ 100 mg). Không sử dụng chất bảo quản
2	Sữa tươi tiệt trùng (có đường)	Dung tích: 180ml/ hộp, lốc 4 hộp. Thành phần chính: sữa tươi ($\geq 96\%$), đường ($\geq 3.8\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 75,9$ kcal, Chất đạm: $\geq 2,9$ g, Carbonhydrat: $\geq 8,2$ g, Đường tổng số: $\geq 8,1$ g, Chất béo: $\geq 3,5$ g, Natri: ≥ 34 mg, Calci: ≥ 100 mg). Không sử dụng chất bảo quản
3	Sữa tươi tiệt trùng (không đường)	Dung tích: hộp 180ml, lốc 4 hộp. Thành phần chính: sữa tươi 100%. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 63,2$ kcal, Chất đạm: $\geq 3,1$ g, Carbonhydrat: $\geq 4,6$ g, Chất béo: $\geq 3,6$ g, Natri: ≥ 36 mg, Calci: ≥ 104 mg). Không sử dụng chất bảo quản
4	Sữa 9 loại hạt	Dung tích: 180ml/ hộp, lốc 4 hộp. Thành phần chính: sữa hạt ($\geq 94,4\%$) (chiết xuất từ hạnh nhân, chiết xuất hạt óc chó, chiết xuất đậu đỏ ...), đường ($\geq 4,5\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 63,6$ kcal, Chất đạm: ≥ 1 g, Chất béo: ≥ 4 g, Vitamin A: ≥ 260 IU, Vitamin D3: ≥ 60 IU, Vitamin E: $\geq 1,0$ mg...)
5	Sữa đậu nành canxi_200ml	Quy cách: hộp 200ml/ hộp, lốc 6 hộp. Thành phần chính: Dịch trích từ đậu nành hạt ($\geq 40\%$), đường ($\geq 8,5\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: ≥ 58 kcal, Chất đạm: $\geq 2,0$ g, Carbonhydrat: $\geq 9,4$ g, Đường tổng số: $\geq 9,3$ g, Natri: ≥ 23 mg, canxi: 80 mg, Kẽm: ≥ 380 mcg, Magiê: ≥ 18 mg, Vitamin A: ≥ 160 IU...)
6	Sữa lúa mạch (có đường)_180ml	Dung tích: 180ml/ hộp, lốc 4 hộp. Thành phần chính: sữa hoàn toàn từ sữa bò tươi ($\geq 25\%$), đường, chiết xuất lúa mạch($\geq 2,5\%$), bột cacao tách béo ($\geq 0,7\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: ≥ 59 kcal, Chất đạm: ≥ 1 g, Carbohydrat: $\geq 11,5$ g, Đường tổng số : $\geq 10,8$ g, Chất béo: ≥ 1 g, Natri: ≥ 20 mg, Vitamin B6: ≥ 120 μ g, Vitamin B12: $\geq 0,16$ μ g, Acid Folic: ≥ 28 μ g, Calci: ≥ 60 mg)
7	Sữa đặc	Khối lượng tịnh: hộp 380g Thành phần chính: đường ($\geq 47\%$), sữa, Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: ≥ 334 kcal, Chất đạm: $\geq 2,7$ g, Chất béo: $\geq 10,8$, Hydrat carbon: $\geq 56,7$ g)
8	Sữa chua Có đường	Khối lượng tịnh: 100g/ hộp, lốc 4 hộp.

Stt	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật/Quy cách sản phẩm
		Thành phần chính: Sữa hoàn toàn từ sữa bò tươi ($\geq 89,9\%$), đường ($\geq 9\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 94,9$ kcal, Carbonhydrat: $\geq 13,2$ g, Chất đạm: $\geq 3,1$ g, Chất béo: $\geq 3,3$ g, Đường tổng số: $\geq 11,3$ g, Natri: ≥ 34 mg, Calci: ≥ 93 mg)
9	Sữa chua Ít đường	Khối lượng tịnh: 100g/ hộp, lóc 4 hộp. Thành phần chính: Sữa hoàn toàn từ sữa bò tươi ($\geq 92,4\%$), đường ($\geq 6,5\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 86,2$ kcal, Carbonhydrat: $\geq 10,7$ g, Chất béo: $\geq 3,4$ g, Chất đạm: $\geq 3,2$ g, Đường tổng số: $\geq 9,1$ g, Natri: ≥ 35 mg, Calci: ≥ 100 mg)
10	Sữa chua không đường (vị tự nhiên)	Khối lượng tịnh: 100g/ hộp, lóc 4 hộp. Thành phần chính: Sữa hoàn toàn từ sữa bò tươi ($\geq 98,9\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 63,2$ kcal, Carbonhydrat: $\geq 4,4$ g, Chất đạm: $\geq 3,3$ g, Chất béo: $\geq 3,6$ g, Natri: ≥ 36 mg, Calci: ≥ 105 mg)
11	Sữa chua Nha đam	Khối lượng tịnh: 100g/ hộp, lóc 4 hộp. Thành phần chính: Sữa ($\geq 78,3\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: ≥ 99 kcal, Chất đạm: ≥ 3 g, Chất béo: $\geq 2,5$ g, Đường tổng số: ≥ 15 g, Calci: ≥ 100 mg, Natri: ≥ 43 mg...)
12	Sữa chua Vị trái cây	Khối lượng tịnh: 100g/ hộp, lóc 4 hộp. Thành phần chính: Sữa ($\geq 77,6\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: ≥ 99 kcal, Chất đạm: ≥ 3 g, Chất béo: $\geq 2,5$ g, Đường tổng số: $\geq 14,5$ g, Natri: ≥ 35 mg...)
13	Sữa chua Uống thanh trùng (ít đường)	Dung tích: 200ml/chai. Thành phần chính: Sữa tươi nguyên kem thanh trùng ($\geq 92\%$), đường mía ($\geq 7\%$). Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 82,4$ kcal, Chất đạm: $\geq 2,5$ g, Chất béo: ≥ 3 g, Đường tổng số: $\geq 10,5$ g, Natri: ≥ 40 mg...)
14	Sữa chua Uống men sống	Dung tích: 65ml/chai, lóc 5 chai. Thành phần chính: Sữa bột tách béo ($\geq 3,3\%$), nước, đường. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100ml: (Năng lượng: $\geq 63,5$ kcal, Chất đạm: $\geq 1,1$ g, Chất béo: $\leq 0,1$ g, Đường tổng số: $\geq 14,5$ g, Natri: ≥ 20 mg...)
15	Bánh gạo	Trọng lượng: bịch 111,3g (14 gói). Hương vị: táo biển. Thành phần chính: Gạo Japonica
16	Bánh gạo	Trọng lượng: bịch 145,6g (14 gói). Thành phần chính: Gạo Japonica, chà bông xé sợi (ruốc thịt gà xé sợi)
17	Bánh gạo	Trọng lượng: bịch 151,2g (14 gói). Hương vị: tự nhiên. Thành phần chính: Gạo Japonica

Ghi chú:

- Trong quá trình chào thầu nhà thầu phải ghi rõ ràng và chi tiết ký mã hiệu, chủng loại, hãng sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ mà **không được ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương”**.

- Nhân hiệu nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ để tham chiếu đến nhân hiệu hàng hóa hoặc số catalogue, không phải thông số kỹ thuật để đánh giá.

- Tất cả những ký tự, ký hiệu được hiểu liên quan tới nhà sản xuất, nước sản xuất, mã hàng hóa nếu có xuất hiện trong E-HSMT chỉ mang tính chất tham khảo, giúp nhà thầu hiểu đúng về hàng hóa không nhằm mục đích chỉ định hoặc hạn chế sự tham gia của bất kỳ nhà thầu nào theo đúng tinh thần hướng dẫn của Luật Đấu thầu, Nghị định, Thông tư, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ hiện hành. Nếu cụm từ này xuất hiện hoặc được nêu trong bất cứ vị trí nào hoặc trang nào trong E-HSMT đều chỉ mang tính chất tham khảo và chỉ dẫn nhà thầu.

- Trường hợp Nhà thầu đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhân hiệu hàng hóa khác so với yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải lập bảng so sánh về Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng và kèm tài liệu chứng minh miễn là cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu thì vẫn được Chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

- Tương đương: có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương hoặc tốt hơn

1.3. Các yêu cầu khác: Không yêu cầu

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

+ Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu; chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và thông báo cho Bộ Tài chính để đánh giá uy tín của nhà thầu